

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2023/HNGĐ-ST

Ngày 18-9-2023

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Anh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đặng Thị Liễu

Bà Trịnh Thị Hương

- Thư ký phiên toà: Bà Trương Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Trong ngày 18 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 23/2023/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2023, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Ánh T, sinh năm 1990; địa chỉ: Tổ x phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam (có mặt).

* *Bị đơn:* Ông Bui T, sinh năm 1983; địa chỉ: Allenwood City San Jose, California, USA (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ánh T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Bui T đăng ký kết hôn vào ngày 16/8/2017 tại Ủy ban nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống Việt Nam. Sau khi kết hôn vợ chồng chung

sống với nhau tại tổ x phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng. Vợ chồng chung sống với nhau được khoảng 06 tháng thì ông Bui T quay trở lại Mỹ sinh sống, còn bà thì vẫn ở lại Việt Nam. Từ khi quay trở về Mỹ, ông Bui T chỉ quay lại Việt Nam thăm bà một lần vào năm 2018 và từ đó đến nay ông bà không còn liên lạc với nhau nữa. Từ năm 2019 ông Bui T đã thừa nhận có bạn gái khác ở Mỹ nên không trở về Việt Nam nữa, bà xác định nay không còn tình cảm nữa nên đề nghị Tòa án cho bà được ly hôn với ông Bui T.

Về con chung, tài sản chung: Bà xác định bà và ông Bui T không có.

Bà đề nghị Tòa án xem xét rút ngắn thời gian giải quyết vụ án và thống nhất không qua thủ tục hòa giải.

** Bị đơn ông Bui T trình bày (Theo Đơn trình bày và đề nghị xử vắng mặt về việc ly hôn ngày 12/5/2023 được công chứng tại Phòng công chứng tại quận Santa Clara, Tiểu bang California, Hoa Kỳ):*

Về quan hệ hôn nhân: Ông đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Thị Ánh T.

Về con chung: Ông xác định ông và bà Nguyễn Thị Ánh T không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông và bà Nguyễn Thị Ánh T không có tài sản chung và nợ chung.

Ông làm đơn này đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng rút ngắn thời gian giải quyết vụ án và đề nghị xét xử vắng mặt tôi với lý do dịch covid đang diễn biến phức tạp ở Mỹ, chi phí đi lại sau dịch quá nhiều nên ông không có đủ tài chính để về Việt Nam dự phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Ánh T cư trú tại địa chỉ: Tổ x phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam và bị đơn ông Bui T cư trú tại Hoa Kỳ nên vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, theo quy định tại các Điều 37, Điều 40, Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 123, Điều 127 của Luật hôn nhân và gia đình. Các quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được áp dụng đối

với yêu cầu xin ly hôn có yếu tố nước ngoài của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ánh T và bị đơn ông Bui T, theo quy định tại Điều 122 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn ông Bui T theo đường dịch vụ bưu chính. Ngày 05/6/2023, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng nhận được Đơn trình bày ý kiến và đề nghị xử vắng mặt về việc ly hôn của ông Bui T về yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Ánh T. Đơn này được công chứng bởi Công chứng viên Keith Martin Laurel (số hiệu giấy ủy nhiệm 2435994, ngày hết hạn ủy nhiệm 23/02/2027) tại phòng Công chứng quận Santa Clara, Tiểu bang California, Hoa Kỳ. Ngày 08/6/2023 Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng ra Thông báo số 98/TB-TA yêu cầu Bui T phải hợp pháp hóa lãnh sự các tài liệu, chứng cứ đã nộp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 478 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 của Việt Nam. Ngày 07/8/2023 Tòa án nhân dân được Đơn trình bày của bà T với nội dung ông Bui T là người mù gặp khó khăn trong việc di chuyển khi làm các thủ tục hợp pháp hóa lãnh sự vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Bui T.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ánh T và ông Bui T đăng ký kết hôn ngày 16/8/2017 tại Ủy ban nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Đây quan hệ hôn nhân hợp pháp, nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[4] Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Ánh T trình bày: Sau khi kết hôn và chung sống với nhau khoảng 06 tháng, ông Bui T quay lại Hoa Kỳ sinh sống và chỉ quay về Việt Nam thăm bà một lần vào năm 2018. Đến năm 2019 thì vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng trong lối sống, thường xuyên cãi vã, nguyên nhân là do ông Bui T thừa nhận đã có bạn gái khác ở Mỹ nên ông bà đã ly thân từ đó đến nay. Hiện bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu Tòa giải quyết được ly hôn với ông Bui T. Còn ông Bui T vắng mặt tại phiên tòa, nhưng trong hồ sơ thể hiện ông đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Thị Ánh T.

[5] Xét yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Ánh T thấy: Sau khi kết hôn vào ngày 16/8/2017, ông bà chung sống với nhau được 06 tháng thì ông Bui T quay trở về Mỹ sinh sống, đến năm 2019 thì bắt đầu mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông Bui T đã có bạn gái khác, ông bà cách biệt nhau về khoảng cách địa lý nên mâu thuẫn

không thể giải quyết được. Hiện ông Bui T đang sinh sống tại Hoa Kỳ, còn bà T vẫn sinh sống tại Việt Nam, mỗi người sống mỗi nơi, bản thân ông Bui T cũng đồng ý ly hôn. Xét thấy, hôn nhân giữa bà T và ông T chỉ tồn tại về mặt hình thức, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, HĐXX thấy cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Ánh T và ông Bui T là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[6] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Ánh T và ông Bui T không có, nên HĐXX không đề cập đến.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Ánh T và ông Bui T xác định không có, nên HĐXX không đề cập đến.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Ánh T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: điểm a khoản 5 Điều 477; Điều 469, Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56, 122, 123 và 127 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc: “Ly hôn” của bà Nguyễn Thị Ánh T đối với ông Bui T.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Ánh T được ly hôn với ông Bui T.

2. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Nguyễn Thị Ánh T phải chịu 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005223 ngày 15/3/2023 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng. Bà Nguyễn Thị Ánh T đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Ánh T được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Bui T vắng mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Đà Nẵng;
- Cục Thi hành án dân sự TP. Đà Nẵng;
- UBND quận Sơn Trà;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Anh Tuấn